

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THỐNG KÊ TRÀ VINH**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI  
TỈNH TRÀ VINH QUÝ I NĂM 2019**

**Trà Vinh, tháng 03 năm 2019**

Trà Vinh, ngày 26 tháng 03 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2019**

Kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh năm 2019 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang duy trì đà tăng trưởng tốt nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Kinh tế nước ta bị tác động tiêu cực từ cuộc chiến thương mại của các nước phát triển, nổi bật là cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung, cùng với các chính sách bảo hộ thương mại của nhiều nước lớn chính thức áp dụng với nhiều hàng hóa xuất khẩu của nước ta. Theo đó, mô hình tăng trưởng mặc dù có sự cải thiện nhưng vẫn chưa rõ rệt, chủ yếu dựa vào các nguồn lực như vốn đầu tư và tín dụng, trong khi chất lượng, hiệu quả sử dụng các nguồn lực này chưa cao. Bên cạnh đó, chất lượng lao động chưa được cải thiện cùng năng lực khoa học - công nghệ ở mức thấp có thể ảnh hưởng tới lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế và khả năng thu hút các dòng vốn đầu tư vào nước ta. Mặc dù ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã có tăng trưởng ấn tượng trong thời gian qua nhưng đang có xu hướng tăng chậm lại. Đồng thời, áp lực gia tăng lạm phát khi giá của các nhóm hàng y tế, giáo dục, điện, nước đã được chính phủ sẽ tiếp tục được điều chỉnh tăng làm tăng chi phí sản xuất và tiêu dùng, từ đó làm giảm sức mua trong nước.

Do đó, năm 2019 là năm được đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiều yếu tố tích cực tác động đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là từ phía chính sách. Tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng của những năm trước nhờ sự hồi phục của các nền kinh tế lớn cộng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy nhanh tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và các đối tác. Mặt khác, lạm phát được dự báo trong tầm kiểm soát, thanh khoản hệ thống ngân hàng được duy trì tốt, dự trữ ngoại hối được duy trì ở mức cao là căn cứ để đảm bảo tỷ giá và lãi suất không có biến động quá lớn là điều kiện thuận lợi ổn định kinh tế vĩ mô giúp cho tăng trưởng kinh tế 2019.

Trong tình, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và sự điều hành của UBND về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp và các địa phương trong tỉnh triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; cùng với các giải pháp của tỉnh nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội quý I năm 2019 cụ thể trên các lĩnh vực sau:

## **I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**

### **1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

#### **1.1. Nông nghiệp**

##### **1.1.1. Trồng trọt**

###### ***a. Cây lúa***

*Lúa Thu đông năm 2018:* Kết thúc diện tích gieo trồng cây lúa vụ Thu đông năm 2018 toàn tỉnh Trà Vinh xuống giống được 79.272 ha, đạt 101,63% so kế hoạch (kế hoạch 78.000 ha), giảm 2,01% hay giảm 1.627 ha so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, diện tích gieo trồng lúa giảm nhiều nhất huyện Càng Long giảm 407 ha, huyện Tiểu Cần giảm 174 ha, huyện Châu Thành giảm 748 ha. Nguyên nhân diện tích gieo trồng giảm do tiến độ gieo trồng và thu hoạch lúa Hè thu chậm nên nông dân không xuống giống vụ Thu đông năm 2018 chờ xuống giống lúa Đông Xuân sớm; mặt khác, nông dân ở một số địa phương đã chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây lâu năm hoặc trồng cỏ để nuôi bò. Kết thúc vụ lúa Thu đông 2018, diện tích thu hoạch đạt 100% diện tích gieo trồng, năng suất 51,91 tạ/ha, sản lượng đạt 411.534 tấn.

*Lúa Mùa năm 2018-2019:* Kết thúc diện tích gieo trồng lúa Mùa năm 2018 - 2019 đạt 2.235 ha, tăng 31,71% hay tăng 538 ha so cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân diện tích gieo trồng lúa Mùa tăng chủ yếu tại xã Hòa Thuận huyện Châu Thành do sản xuất lúa Thu đông không hiệu quả nên đã chuyển sang gieo trồng lúa Mùa. Trong quý I năm 2019, nông dân ở một số địa phương đã thu hoạch dứt điểm lúa Mùa năm 2018-2019, diện tích thu hoạch đạt 100% diện tích gieo trồng, năng suất đạt 44,52 tạ/ha, sản lượng đạt 9.952 tấn.

*Lúa Đông Xuân năm 2019:* Trong tháng 03 nông dân trong tỉnh tiếp tục gieo trồng lúa Đông Xuân, diện tích gieo trồng đạt 69 ha, nâng tổng số đến nay diện tích gieo trồng kết thúc đạt 68.585 ha, đạt 103,92% so kế hoạch (kế hoạch 66.000 ha), tăng 3,26% hay tăng 2.167 ha so cùng kỳ. Diện tích gieo trồng lúa Đông Xuân tăng do thời gian qua giá lúa luôn ở mức cao cộng với thời tiết thuận lợi nên nông dân đã tập trung gieo trồng lúa Đông xuân năm 2019. Bên cạnh đó, diện tích lúa tự phát ở một số địa phương tăng (trong đó, huyện Cầu ngang tự phát 1.275 ha, huyện Châu Thành tự phát 464 ha, huyện Trà Cú tự phát 958 ha, huyện Duyên Hải 374 ha).

#### **\* Tình hình sâu bệnh**

Trong thời gian qua do thời tiết thay đổi ngày nắng nóng, đêm lạnh đã làm cho sâu bệnh phát triển gây hại trên trà lúa Đông Xuân năm 2019. Trong tháng 03/2019 trên trà lúa Đông xuân đã có 404 ha bị nhiễm bệnh chủ yếu là sâu cuốn lá, rầy nâu, cháy bìa lá ở mật độ thấp nên không ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây lúa.

#### **b. Cây màu**

Trong tháng 03 năm 2019 nông dân trong tỉnh tiếp tục xuống giống hoa màu các loại vụ Đông xuân ước đạt 7.703 ha, nâng tổng số đến nay diện tích gieo trồng ước đạt 22.607 ha, tăng 3,11% hay tăng 683 ha so cùng kỳ. Diện tích cây màu vụ Đông Xuân năm 2019 tăng chủ yếu là rau màu các loại, do trong thời gian qua giá rau màu các loại tăng nên nông dân đã tận dụng diện tích đất trồng mới cây lâu năm để trồng nhằm cải thiện đời sống nông hộ.

Diện tích một số cây màu vụ Đông Xuân năm 2019 chủ yếu của tỉnh: bắp ước trồng được 1.745 ha, giảm 81 ha so với cùng kỳ năm 2018; khoai lang 544 ha, tăng 60 ha; khoai mì (sắn) 284 ha, tăng 13 ha; mía 1.261 ha, giảm 802 ha; đậu phộng (lạc) 3.396 ha, tăng 319 ha; lác (cói) 803 ha, giảm 161 ha; rau các loại 12.007 ha, tăng 1.281 ha;...

#### **c. Cây lâu năm**

Trong tháng 03 nông dân trong tỉnh tiếp tục trồng mới cây ăn quả, diện tích ước đạt 91 ha, nâng tổng số đến nay diện tích trồng mới cây ăn quả ước đạt 235 ha, tăng 10,89% so cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân diện tích trồng mới cây ăn quả tăng do nông dân chuyển một số diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng thanh long, cam, xoài. Bước vào đầu tháng 03/2019 nông dân trong tỉnh tiếp tục thu

hoạch các loại cây ăn quả, sản lượng thu hoạch ước đạt 33.038 tấn, nâng tổng số đến nay sản lượng cây ăn quả ước đạt 96.369 tấn, giảm 14,19% so cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch cây ăn quả giảm do tình hình thời tiết trong năm 2018 thuận lợi không bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn nên nhiều loại cây trái cho ra hoa, kết trái sớm và cho thu hoạch trong những tháng cuối năm 2018, từ đó làm cho sản lượng thu hoạch giảm so cùng kỳ. Bên cạnh đó, do giá cam trong thời gian qua giảm mạnh, nhà vườn bị thua lỗ nhiều nên đã bỏ không chăm sóc, từ đó làm cho năng suất sản lượng giảm so cùng kỳ.

### **1.1.2. Chăn nuôi**

Trong tháng 03 tình hình chăn nuôi gia cầm gặp một số khó khăn do ảnh hưởng thời tiết ngày nắng nóng về đêm lạnh, tạo điều kiện cho vi khuẩn phát triển làm cho gia cầm bị cúm chết ở một số địa phương chăn nuôi nhỏ lẻ không tập trung, công tác phun xịt, tiêu độc khử trùng chuồng trại chăn nuôi gặp khó khăn.

Kết quả ước số con gia súc, gia cầm hiện có trên địa bàn tỉnh trong tháng 03 năm 2019 như sau: đàn trâu có 540 con, giảm 108 con so với cùng kỳ do cơ giới hoá nông nghiệp, các cánh đồng sản xuất lúa tăng vụ làm cho môi trường chăn thả bị thu hẹp và cho hiệu quả kinh tế thấp; đàn bò có 208.956 con, tăng 506 do nông dân đầu tư nuôi bò vỗ béo kết hợp nguồn cỏ dồi dào với thức ăn công nghiệp nên bò phát triển nhanh, hơn nữa tỉnh đang xây dựng chuỗi giá trị bò thịt và hình thành điểm mua bán, giết mổ, phân phối thịt bò đạt chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm; đàn heo có 316.159 con, tăng 939 con do trong thời gian qua giá heo tăng cao giúp cho người chăn nuôi có lợi nhuận khá nên đã mở rộng qui mô chăn nuôi; đàn gia cầm có 4.685,2 nghìn con, tăng 88,9 nghìn con, trong đó đàn gà có 3.522,2 nghìn con, tăng 106,6 nghìn con do thị trường tiêu thụ thịt gà hơi ổn định và giá cao nên người nuôi mạnh dạn đầu tư tăng đàn, riêng đàn vịt tăng do người nuôi áp dụng mô hình nuôi vịt đẻ trứng kết hợp nuôi cá tận dụng được nguồn thức ăn làm giảm giá thành tăng lợi nhuận nên đàn vịt của tỉnh được mở rộng.

Nhìn chung, tình hình chăn nuôi trong quý I năm 2019 không được khả quan hơn so với năm trước do nhiều dịch bệnh phát sinh trên đàn vật nuôi<sup>1</sup>. Do đó, để

---

<sup>1</sup> Phát sinh trường hợp heo bệnh Lở mồm long móng tại 01 hộ chăn nuôi ở ấp Bà Tràm, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành tổng số heo nuôi 19 con, số heo bệnh 19 con; hiện tại bệnh đã qua 14 ngày, không phát sinh ổ dịch mới; Bệnh Cúm gia cầm phát sinh tại 01 hộ chăn nuôi ở ấp An Hòa, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tổng số gia cầm nuôi 650 con (gà 50 con, vịt 200 con, vịt xiêm 400 con); mắc bệnh, chết

chăn nuôi gia súc, gia cầm có hiệu quả và phát triển bền vững trong thời gian tới các ngành chuyên môn cần chỉ đạo tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khuyến cáo người nuôi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tập trung xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất có hiệu quả, đặc biệt là phải gắn kết với đầu ra sản phẩm, tránh tình trạng người nuôi không xuất bán sản phẩm phải lưu lại chuồng trong thời gian dài để chờ giá. Bên cạnh đó, cũng khuyến cáo người nuôi thường xuyên vệ sinh chuồng trại, tiêu độc khử trùng, tái cấu trúc đàn, giữ lại chọn những con giống cho năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất.

## **1.2. Lâm nghiệp**

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng 03 năm 2019 tập trung chủ yếu vào chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng đã trồng trong năm trước, không phát sinh diện tích rừng trồng mới.

Trong tháng 03 năm 2019, sản lượng khai thác gỗ ước đạt 4.579 m<sup>3</sup>, giảm 213 m<sup>3</sup> so cùng kỳ năm 2018; sản lượng khai thác củi ước đạt 29.827 ste, giảm 161 ste so với cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2019, sản lượng khai thác gỗ ước đạt 14.499 m<sup>3</sup>, tăng 251 m<sup>3</sup> so cùng kỳ năm trước do người dân đã thu hoạch một số loại gỗ đến thời kỳ khai thác như: bạch đàn, dầu, gỗ sao, còng, mù u, cây bàng, tràm bông vàng...; sản lượng khai thác củi ước đạt 92.163 ste, tăng 251 ste so với cùng kỳ do hộ tận thu củi thu hoạch từ cải tạo vườn tạp kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái.

Trong tháng, Chi cục kiểm lâm kết hợp với các Trạm hạt kiểm lâm thường xuyên tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, không phát hiện vụ chặt phá rừng. Ngoài ra, các cơ quan chức năng tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ, chăm sóc và phòng chống cháy rừng.

## **1.3. Thủy sản**

Trong quý I năm 2019 tình hình nuôi trồng thủy sản gặp nhiều thuận lợi nhờ sự hỗ trợ tích cực của các cấp, ngành liên quan, các cơ quan chuyên môn trong công tác phòng chống dịch bệnh, cảnh báo môi trường được triển khai thực hiện

---

413 con (gà 05 con, vịt 08 con, vịt xiêm 400 con); hiện tại bệnh đã qua 14 ngày, không phát sinh ổ dịch mới; Tình hình bệnh Dịch tả heo Châu Phi trong nước: Từ đầu tháng 2/2019 - 10/3/2019, bệnh Dịch tả heo Châu Phi đã lây lan sang 13 tỉnh, thành phố. Trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện bệnh Dịch tả heo Châu Phi nhưng đã tác động không nhỏ đến tình hình chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh.

sớm, nhằm giảm rủi ro cho nghề nuôi trồng thủy sản. Riêng các loại con giống cá tra, cá lóc, tôm càng xanh,...vẫn được xác định là đối tượng nuôi chính ở vùng nước ngọt do giá thương phẩm vẫn ở mức tương đối cao.

Tuy nhiên, tình hình nuôi trồng quý I cũng gặp một số khó khăn như bệnh trên tôm nuôi vẫn xảy ra, tập trung ở một số xã vùng nuôi trọng điểm của huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải. Thêm vào đó, tôm nuôi phát triển chậm do nhiệt độ thay đổi thất thường, môi trường nước chưa ổn định. Sản lượng thủy sản quý I năm 2019 ước đạt 36.950 tấn tôm cá các loại, tăng 19,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tôm ước đạt 8.808 tấn, tăng 7,27%; cá ước đạt 20.963 tấn, tăng 30,74%; các loại thủy sản khác ước đạt 7.178 tấn, tăng 7,61%.

### **1.3.1. Nuôi trồng thủy sản**

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 03 năm 2019 ước đạt 9.948 tấn tôm cá các loại, tăng 76,71% so với cùng tháng năm trước. Tính chung quý I năm 2019 sản lượng nuôi trồng ước đạt 19.547 tấn, tăng 35,27% hay tăng 5.097 tấn so cùng kỳ năm 2018, trong đó tôm ước đạt 6.049 tấn, tăng 16,41%; cá ước đạt 12.915 tấn, tăng 48,92%. Sản lượng tăng chủ yếu là sản lượng cá lóc, cá tra, tôm thẻ chân trắng do giá cá lóc tăng cao nên sau khi thu hoạch xong nhiều hộ đã tiếp tục cải tạo ao hồ thả nuôi; riêng sản lượng tôm thẻ chân trắng tăng do giá tôm thẻ chân trắng từ quý III năm 2018 đã tăng trở lại nên nhiều hộ nuôi tôm công nghệ cao đã đầu tư mở rộng qui mô nuôi làm cho sản lượng tôm thẻ thu hoạch trong những tháng đầu năm 2019 tăng so với cùng kỳ. Tuy nhiên, sản lượng tôm sú và cá các loại giảm do nhiều diện tích tôm sú đã được thu hoạch vào những tháng cuối năm 2018 nên đến thời điểm hiện nay một số diện tích tôm sú còn nhỏ chưa đủ trọng lượng thương phẩm để thu hoạch; riêng sản lượng cá các loại giảm chủ yếu do nhiều hộ dân nuôi diện tích nhỏ lẻ đã lên vườn trồng cây ăn trái.

Sản lượng một số loại thủy sản nuôi trồng chủ yếu của tỉnh quý I năm 2019: tôm sú 1.06 tấn, tăng 87 tấn so với cùng kỳ; tôm thẻ chân trắng 4.332 tấn, tăng 600 tấn; tôm càng xanh 657 tấn, tăng 167 tấn; cá lóc 7.735 tấn, tăng 2.647 tấn; cua biển 505 tấn, tăng 50 tấn; cá tra 2.679 tấn, tăng 1.748 tấn.

Tình hình thả nuôi thủy sản vùng nước lợ, tính đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 16.567 lượt hộ thả nuôi hơn 1.888 triệu con tôm, cua giống các loại trên diện tích 13.723 ha. So với cùng kỳ số hộ tăng 29%; diện tích tăng 1.361%; con giống tăng

20,86%. Diện tích thả nuôi tăng chủ yếu là tôm sú và tôm thẻ chân trắng do trong thời gian qua giá tôm sú, tôm thẻ chân trắng ổn định ở mức cao, nông dân thu hoạch có lợi nhuận khá nên đã mạnh dạn đầu tư mở rộng qui mô thả nuôi; số hộ tăng do giá tôm tăng nên nhiều hộ đã mạnh dạn đầu tư thả nuôi nhằm kiếm thêm thu nhập; con giống tăng do người dân nuôi tôm công nghệ cao nên thả nuôi với mật độ dày hơn.

Tuy nhiên, cũng đã có một số hộ bị thiệt hại, tính đến tháng 03 năm 2019 đã có 462 hộ nuôi tôm sú bị thiệt hại gần 108 triệu con giống trên 158 ha diện tích (trong đó huyện Cầu Ngang thiệt hại 369 hộ với 29,31 triệu con giống trên 117 ha diện tích; huyện Duyên Hải thiệt hại 07 hộ với 0,59 triệu con giống trên 2,3 ha diện tích; thị xã Duyên Hải thiệt hại 86 hộ với 77,8 triệu con giống trên 39 ha diện tích); tôm thẻ chân trắng có 773 hộ bị thiệt hại 150,7 triệu con tôm giống trên 258 ha diện tích (trong đó huyện Cầu Ngang thiệt hại 365 hộ với 62,3 triệu con giống trên 131 ha diện tích; huyện Duyên Hải thiệt hại 145 hộ với 35 triệu con giống 47 ha diện tích; thị xã Duyên Hải thiệt hại 122 hộ với 22 triệu con giống trên 29 ha diện tích). Theo đánh giá của các ngành chuyên môn, tôm chết do thời tiết biến đổi thất thường làm cho môi trường nước thay đổi cộng với con giống chất lượng kém dẫn đến con giống bị bệnh hội chứng gan tụy cấp, bệnh đốm trắng, việc quản lý môi trường nước cũng như phòng dịch bệnh gặp nhiều khó khăn.

Đối với vùng nước ngọt, quý I năm 2019 đã có 1.839 lượt hộ thả nuôi gần 62 triệu con tôm, cá giống các loại trên 424 ha diện tích. So cùng kỳ số hộ tăng 2,34%, diện tích tăng 49,04%, con giống tăng 106,45%. Nguyên nhân diện tích, số hộ, con giống tăng chủ yếu là tôm càng xanh và cá lóc do giá cá lóc và tôm càng xanh ổn định ở mức cao nên nông dân đã tập trung mở rộng qui mô nuôi.

### **1.3.2. Khai thác thủy hải sản**

Tình hình khai thác hải sản trong tháng 03 năm 2019 gặp một số thuận lợi do không bị ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới nên số chuyến tham gia khai thác của ngư dân được dài ngày hơn. Tổng sản lượng khai thác trong tháng 03 ước đạt 5.800 tấn tôm cá các loại, tăng 16,3% so với tháng cùng kỳ năm 2018. Tính chung quý I năm 2019, sản lượng khai thác ước đạt 17.403 tấn, tăng 5,69% hay tăng 937 tấn so cùng kỳ năm trước, trong đó tôm đạt 2.760 tấn, giảm 8,49%; cá đạt 8.048 tấn, tăng 9,32%. Sản lượng khai thác biển tăng do tình hình thời tiết trên biển thuận lợi, xuất hiện nhiều cá và thủy sản khác chủ yếu những loại có giá trị cao như: tôm, cá thu, cá



chim, mực, cua, ốc hương,... cộng với ngư dân đã cải tạo nâng cấp tàu có công suất nhỏ để hoạt động đánh bắt xa bờ và mua mới một số tàu với công suất trên 1.000 CV đưa vào hoạt động trong thời gian qua, từ đó ngư dân ra khơi khai thác có hiệu quả nâng cao sản lượng khai thác cá và các loại hải sản.

#### **1.4. Tình hình chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng vật nuôi khác**

Trong quý I năm 2019 có 278 ha đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, kết hợp nuôi thủy sản. Trong đó, chuyển sang trồng cây hàng năm 130 ha, chuyển sang trồng cây ăn trái 148 ha, trồng dừa 87 ha.

### **2. Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tháng 3 năm 2019 tăng 48,37% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: ngành khai khoáng tăng 7,26% so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,46%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 74,79%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 27,5%. Tính chung quý I năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tăng 40,36% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: ngành khai khoáng tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,54%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 57,88%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 11,81%. Nguyên nhân sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh dự quý I năm 2019 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước do ngành sản xuất điện sản xuất tăng mạnh<sup>2</sup>; tỉnh đang đẩy mạnh sản xuất một số sản phẩm mới và nhiều ngành sản xuất khác<sup>3</sup>. Bên cạnh đó một số ngành sản xuất giảm mạnh<sup>4</sup> do khó khăn về thị trường tiêu thụ như: ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; ngành sản xuất bản kẽm từ tháng 01/2019 không còn sản xuất do Công ty TNHH ngành in Mỹ Lan chỉ hoạt động thương mại và ngành sản xuất dược phẩm do trước tết khách hàng nhập hàng nhiều nên đầu năm nay chưa nhập thêm hàng nên đơn đặt hàng trong quý I năm 2019 giảm. Riêng ngành khai thác nước sản xuất tăng nhiều do năm nay nắng nóng kéo

<sup>2</sup> Quý I năm 2018 nhà máy Duyên Hải 1 bị sự cố nên phải tạm ngưng sản xuất nhiều ngày.

<sup>3</sup> Một số ngành sản xuất tăng: Công ty Cổ phần RYNAN Smart Fertilizers đang đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới phân bón thông minh; ngành xay xát tăng 44,45% do thị trường xuất khẩu gạo ổn định; ngành sản xuất đường tăng 42,62%; ngành sản xuất nước uống tăng 20,63%; ngành dệt tăng 6,97%; ngành may mặc tăng 3,14%; sản xuất thiết bị điện tăng 19,76%; ngành sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 13,17%; ....

<sup>4</sup> Một số ngành sản xuất giảm: ngành sản xuất thuốc hóa dược và dược liệu giảm 23,66%; ngành sản giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 14,72%; ngành sản xuất sản phẩm từ vật liệu tết bện giảm 13,26% và ngành sản xuất bản kẽm ngành in từ đầu năm đến nay tạm ngưng sản xuất; ...

dài cộng với cuộc sống của người dân ngày một nâng cao nên nhu cầu xử dụng nước sạch ngày càng nhiều.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tính chung quý I năm 2019 tăng 20,63% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng như: chế biến thực phẩm tăng 52,65%; ngành sản xuất hóa chất tăng 31,21%; ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,61%; công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 31,21%; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 22,31%; ...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp tính đến cuối tháng 2/2019 giảm 1,86% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm như: sản xuất đồ uống giảm 14,82%; ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 15,68% so với cùng kỳ;... Song bên cạnh đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng như: ngành chế biến thực phẩm và ngành dệt tăng gần 1,5 lần; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 5,08%.

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp tại thời điểm 01/3/2019 giảm 13,86% so với cùng kỳ năm trước do Công ty TNHH giày da Mỹ Phong sản xuất giảm nên nhu cầu sử dụng lao động giảm, số lao động hiện đang làm tại công ty là 9.156 người, giảm 10.395 người so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, sản xuất công nghiệp quý I năm 2019 trên địa bàn tỉnh có nhiều thuận lợi hơn so với cùng kỳ, đặc biệt ngành công nghiệp chế biến chế tạo có nhiều khởi sắc hơn nhờ vào nguồn nguyên liệu đầu vào khá dồi dào, giá nguyên liệu giảm làm cho chi phí đầu vào của sản phẩm giảm. Các doanh nghiệp còn được tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi của Nhà nước và có nhiều chính sách hỗ trợ như miễn giảm thuế đối với các mặt hàng nông sản, đưa các công ty tham gia chương trình xét chọn doanh nghiệp xuất khẩu uy tín, xây dựng kế hoạch tổ chức hỗ trợ kết nối liên kết thị trường, tìm kiếm máy móc thiết bị hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn của tỉnh,... Lãnh đạo địa phương ngay từ đầu năm đã quan tâm đến xúc tiến đầu tư và cùng doanh nghiệp tìm kiếm thị trường tiêu thụ để tháo gỡ các khó khăn.

### **3. Hoạt động của doanh nghiệp**

#### **3.1 Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

Trong quý I năm 2019, toàn tỉnh có 78 doanh nghiệp, 57 đơn vị trực thuộc đăng ký mới với tổng vốn đăng ký là 247 tỷ đồng và 2.053 lao động.

Đồng thời có 14 doanh nghiệp ngừng hoạt động quay trở lại hoạt động. Bên cạnh đó có 262 doanh nghiệp, chi nhánh và địa điểm kinh doanh, 01 quỹ tín dụng bổ sung 944 tỷ đồng.

Tuy nhiên đã có 24 doanh nghiệp và 62 chi nhánh hoàn tất thủ tục giải thể. Ngoài ra, có 24 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động.

### **3.2 Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp**

Theo kết quả điều tra về xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý I năm 2019 cho thấy: có 57,69% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I năm nay khả quan hơn năm trước; 23,08% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 19,23% đánh giá sản xuất khó khăn hơn. Dự kiến quý II so với quý I năm nay có khả quan hơn<sup>5</sup>, có 57,69% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt hơn; 30,77% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và 11,54% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn.

## **4. Thương mại, dịch vụ và giá cả**

### **4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

Tổng mức bán lẻ và kinh doanh dịch vụ tiếp tục tăng khá so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 năm 2019 ước tính đạt 2.946 tỷ đồng, tăng 15,03% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 8.657 tỷ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước tính quý I năm 2019 đạt 6.163,2 tỷ đồng, tăng 18,22% so với cùng quý năm trước. Chủ yếu tăng ở các nhóm hàng như: lương thực thực phẩm tăng 20,9%; hàng may mặc tăng 12,9%; đồ dùng dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 18,0%; xăng dầu các loại tăng 22,6%. Nguyên nhân tổng mức bán lẻ hàng hóa quý I tăng cao do trong quý trùng với Tết Nguyên Đán cộng với nông dân đang thu hoạch vụ lúa Đông Xuân nên một số mặt hàng phục vụ Tết và liên quan đến thu hoạch lúa tăng. Bên cạnh đó, tỉnh đang đẩy mạnh xây dựng

---

<sup>5</sup> Dự tính sang quý II/2019 ngành chế biến thủy sản có khởi sắc hơn do Công ty Cổ phần Phát triển Chiến Thắng (chuyên nhượng lại tài sản của Công ty TNHH Thủy hải sản Sài Gòn MeKong) từ đầu năm đến nay công ty đang vận hành chạy thử nên sản phẩm sản xuất ra chưa bán ra thị trường, dự tính quý II sẽ vận hành thương mại.

huyện nông thôn mới<sup>6</sup> nên nhiều mạng lưới giao thông<sup>7</sup> được nâng cấp và mở rộng tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Ngoài ra, siêu thị Co.opmart Tiểu Cần<sup>8</sup> đi vào hoạt động với quy mô khá lớn cung ứng đầy đủ các loại hàng hóa thiết yếu đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân trên địa bàn huyện và các địa phương lân cận. Các mặt hàng sản xuất trong nước ngày càng được tin dùng và được bày bán tại các siêu thị và trung tâm mua sắm ngày càng nhiều. Đặc biệt, sự phối hợp cung cấp đầy đủ hàng hóa phục vụ thị trường Tết của các đơn vị kinh doanh lớn như Co.opmart Trà Vinh, Co.opmart Duyên Hải, Co.opmart Tiểu Cần, Trung tâm thương mại Vincom Plaza Trà Vinh đã góp phần bình ổn thị trường. Theo đó, các hoạt động hội chợ, chợ phiên cùng với khuyến mãi của các siêu thị, doanh nghiệp, cơ sở bán lẻ diễn ra sôi động đã tác động tích cực đến sức mua của người dân.

Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính quý I năm 2019 ước đạt 1.286,8 tỷ đồng, tăng 18,8% so với cùng năm trước; doanh thu hoạt động du lịch lữ hành ước đạt 6.151 triệu đồng, tăng 35,42%. Nguyên nhân tăng do trong quý I năm 2019 trùng dịp Tết Nguyên Đán cộng với đời sống của người dân ngày càng được cải thiện<sup>9</sup> nên nhu cầu tham quan du lịch, ăn uống, nghỉ ngơi tăng cao. Bên cạnh đó, tổng lượt khách lưu trú tăng gần 14,0% do trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán các khu di tích Đền thờ Bác, Ao Bà Om, Biển Ba Động, các điểm chùa của đồng bào dân tộc Khmer đón lượng khách lớn cho nhu cầu tham quan, vui chơi giải trí và nhu cầu tâm linh của người dân trong và ngoài tỉnh.

Doanh thu ngành dịch vụ ước tính quý I năm 2019 đạt 1.207,1 tỷ đồng, tăng 16,65% so với cùng năm trước. Trong đó, tăng chủ yếu ở nhóm ngành dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 43,8%; dịch vụ sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình tăng 23,7%; dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 24,6%. Nguyên nhân

---

<sup>6</sup> Huyện Tiểu Cần và Thị xã Duyên Hải đã hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng chính phủ Về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

<sup>7</sup> Mạng lưới giao thông của đô thị trung tâm TP. Trà Vinh được mở rộng nhờ sự đầu tư, hỗ trợ từ dự án nâng cấp đô thị của tỉnh do Ngân hàng Thế giới tài trợ (giai đoạn 2).

<sup>8</sup> Tọa lạc tại khóm 2 thị trấn Tiểu cần, huyện Tiểu Cần, vốn đầu tư 100 tỷ đồng, tổng diện tích sử dụng trên 6.000m<sup>2</sup>, khu tự chọn kinh doanh hơn 30.000 mặt hàng, đây là thành viên Co.opmart thứ 03 trên địa bàn.

<sup>9</sup> Tình hình kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh cả năm 2018 tiếp tục phát triển với tốc độ cao so khu vực và cả nước (GRDP năm 2018 tăng 9,56%; thu nhập bình quân đầu người gần 31 triệu đồng/người/năm)

tăng do các hoạt động mua bán trao đổi hàng hoá diễn ra mạnh phục vụ nhu cầu mua sắm, sửa chữa trong dịp Tết; nhiều sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi đang trong vụ thu hoạch và các Lễ hội của tỉnh được tổ chức vào cuối năm nên nhu cầu sử dụng các dịch vụ tăng mạnh.

Nhìn chung hoạt động thương mại và dịch vụ ước tính quý I năm 2019 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ năm trước. Mặt khác, giá cả trên thị trường ổn định, công tác quản lý thị trường đảm bảo hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả trên thị trường. Đặc biệt trên địa bàn tỉnh có trung tâm thương mại lớn đó là siêu thị Coop-mart, Vincom, điện máy Xanh, siêu thị điện máy Nguyễn Kim, . . . là nơi mua sắm lớn của Trà Vinh có nhiều chương trình khuyến mãi kèm quà tặng nhân dịp Tết cổ truyền của dân tộc. Đồng thời, để chủ động các giải pháp xử lý kịp thời các hành vi gây mất ổn định thị trường Tết, hàng ngày lực lượng Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh bám sát địa bàn nắm tình hình cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ Tết trên địa bàn toàn tỉnh. Nhìn chung các tổ chức, cá nhân đều chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh thương mại.

#### **4.2. Giao thông vận tải**

Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách trên địa bàn tỉnh dự ước quý I năm 2019 đạt 432,6 tỷ đồng tăng 19,74% so với 3 tháng đầu năm 2018. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách trong quý tăng 20,88%; doanh thu vận tải hàng hóa tăng 19,97% so 3 tháng đầu năm 2018. Nguyên nhân tăng do các hoạt động kinh doanh vận tải vào các tháng đầu năm diễn ra nhộn nhịp do trùng với Tết Nguyên đán nên nhu cầu đi lại của người dân cộng với sự điều chỉnh tăng của giá xăng dầu từ tháng 3/2019. Thêm vào đó, hiện nay nông dân đang vào mùa thu hoạch lúa Đông Xuân nên nhu cầu vận tải cũng tăng lên.

Dự ước doanh thu vận tải hàng hoá, hành khách tháng 03 năm 2019 ước đạt 141.053 triệu đồng, tăng 19,88% so với cùng kỳ năm 2018. Tính chung quý I năm 2019, doanh thu vận tải hàng hoá, hành khách ước đạt 432.550 triệu đồng, tăng 19,88% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 191.441 triệu đồng, tăng 20,89% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 240.700 triệu đồng, tăng 19,97%; doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 409 triệu đồng, chỉ bằng 22,39%. Nguyên nhân tăng do các hoạt động kinh doanh vận tải vào dịp đầu năm vẫn còn phục vụ cho Tết Nguyên đán đưa đón người

lao động trở lại làm việc cộng với bước vào đầu tháng 02/2019 nông dân bắt đầu thu hoạch lúa Đông Xuân nên các loại phương tiện vận tải tăng để phục vụ cho nhu cầu vận chuyển hàng hoá.

Vận tải hành khách quý I năm 2019 ước tính đạt 6.910 nghìn lượt khách, tăng 16,45% so với cùng kỳ năm 2018 và 313 triệu khách.km, tăng 14,43%, bao gồm: vận tải hành khách đường bộ ước đạt 5,4 triệu lượt khách, tăng 16,8% và 297 triệu lượt khách.km, tăng 14,42%; vận tải hành khách đường sông ước tính 1,5 triệu lượt khách, tăng 15,21% và 16,1 triệu lượt khách.km, tăng 14,65%.

Vận tải hàng hóa quý I năm 2019 ước đạt 3.456 nghìn tấn, tăng 16,75% so với cùng kỳ năm trước và 273,5 triệu tấn.km, tăng 19,22%, bao gồm: vận tải hàng hóa đường bộ ước đạt 2.184 nghìn tấn, tăng 18,78% và 108 triệu tấn.km, tăng 25,59%; vận tải hàng hóa đường sông ước tính đạt 1.273 nghìn tấn, tăng 13,42% và 167 triệu tấn.km, tăng 15,4%.

Nhìn chung, vận tải hành khách, hàng hoá trên địa bàn tỉnh quý I năm 2019 tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vận tải hành khách, hàng hoá đường bộ tăng do giá nguyên liệu đầu vào của ngành vận tải tăng cộng với các tuyến đường giao thông chính đã được nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và trao đổi hàng hoá; riêng vận tải đường thuỷ tăng do đang trong vụ thu hoạch lúa Đông Xuân nên nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải đường thuỷ cho sản xuất và sinh hoạt tăng.

## **II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM CHẾ LẠM PHÁT**

### **1. Đầu tư phát triển**

Thực hiện vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý I năm 2019 tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh quý I năm 2019 theo giá hiện hành ước tính đạt 4.736,3 tỷ đồng, tăng 25,55% so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 761,2 tỷ đồng, chiếm 16,07% tổng vốn đầu tư phát triển và chỉ bằng 33,35% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.931,4 tỷ đồng, chiếm 40,78% và tăng 39,28%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 2.043,7 tỷ đồng, chiếm 43,15% và tăng gấp 20 lần.

Nguồn vốn đầu tư khu vực Nhà nước quý I năm 2019 thực hiện 761,2 tỷ đồng, chiếm 16,07% tổng vốn đầu tư phát triển và chỉ bằng 33,35% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân giảm mạnh do Nhà máy Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở

rộng hiện nay đã hoàn thành trên 80% nên nguồn vốn đầu tư cho giai đoạn cuối giảm. Bên cạnh đó, các công trình sử dụng nguồn vốn Nhà nước do địa phương quản lý giám do trong quý IV năm 2018 đã đẩy mạnh thi công để hoàn thành theo kế hoạch nên bước sang quý I/2019 chỉ thực hiện các công trình chuyển tiếp.

Vốn ngoài nhà nước quý I năm 2019 thực hiện 1.931,4 tỷ đồng, chiếm 40,78% và tăng 39,28% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng do bước vào đầu năm mới người dân tiếp tục đầu tư xây mới, sửa chữa nhà ở và một số hộ sản xuất kinh doanh cũng đầu tư phát triển trên những khu đô thị mới mở rộng, nâng cấp. Bên cạnh đó, tập đoàn Hoàng Quân đang gấp rút thi công 343 căn nhà ở xã hội để đưa vào sử dụng cùng với dự án đầu tư điện mặt trời của công ty Trung Nam đang trong giai đoạn xây lắp.

Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài quý I năm 2019 thực hiện 2.043,7 tỷ đồng, chiếm 43,15% và tăng gấp 20 lần. Nguyên nhân tăng mạnh do dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 đang đẩy mạnh thi công những hạng mục xây dựng chính nên giá trị thực hiện cao. Đây là dự án lớn với tổng vốn đầu tư 2,2 tỷ USD, dự kiến thời gian xây dựng là 5 năm từ lúc khởi công. Vì thế dự báo nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm 2018 sẽ tiếp tục tăng cao.

## **2. Tài chính – tín dụng**

### **2.1. Thu, chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến giữa tháng 03 năm 2019 ước tính đạt 3.163 tỷ đồng, đạt 33,36% dự toán năm 2019, trong đó thu nội địa đạt 1.114 tỷ đồng, đạt 29,54% kế hoạch. Trong tổng thu nội địa, thu từ kinh tế quốc doanh đạt 139 tỷ đồng, bằng 13,94% kế hoạch; thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh đạt 61,4 tỷ đồng, bằng 17,56%; thuế thu nhập cá nhân đạt 77,2 tỷ đồng, bằng 23,03% kế hoạch.

Tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến giữa tháng 03 năm 2019 ước thực hiện gần 1.229 tỷ đồng, bằng 13,49% dự toán năm 2019, trong đó chi đầu tư phát triển thực hiện 226,2 tỷ đồng, bằng 7,7%; chi thường xuyên thực hiện 969 tỷ đồng, bằng 18,11%.

### **2.2. Hoạt động ngân hàng**

Tổng nguồn vốn hoạt động của các TCTD trên địa bàn tính đến 31/3/2019 ước đạt 29.680 tỷ đồng, tăng 12,34% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó vốn huy động tại chỗ đạt 20.479 tỷ đồng, chiếm 69%/tổng nguồn vốn.

Dư nợ cho vay của các TCTD trên địa bàn ước đến 31/3/2019 đạt 24.100 tỷ đồng, tăng 12,63% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó, dư nợ ngắn hạn ước đạt 12.532 tỷ đồng, chiếm 52%/tổng dư nợ; dư nợ trung, dài hạn ước đạt 11.568 tỷ đồng, chiếm 48%/tổng dư nợ.

Tỷ lệ nợ xấu của các TCTD trên địa bàn ước đến cuối tháng 3 năm 2019 chiếm 1,19%/tổng dư nợ.

### **3. Chỉ số giá**

#### **3.1. Chỉ số giá tiêu dùng**

Chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 03 năm 2019 giảm 0,37% so với tháng trước. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,24%, giảm chủ yếu là các mặt hàng thực phẩm như thịt gia cầm tươi sống giảm 5,04%, thịt gia súc tươi sống giảm 4,25%, trứng các loại giảm 6,96% do sau tết nhu cầu nguyên liệu gạo tẻ, gạo nếp để làm bánh giảm nên giá cũng ổn định trở lại, hơn nữa, trong tháng nông dân ở một số địa phương đang thu hoạch rộ vụ lúa Đông Xuân cộng với tình hình xuất khẩu gạo chưa được khả quan nên thương lái hạn chế thu mua làm cho giá lúa giảm; Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 1,03% do giá một số mặt hàng vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính giảm; nhóm giao thông tăng 2,47% do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng (Cụ thể, lúc 15 giờ ngày 02 tháng 3 năm 2019, giá xăng các loại được điều chỉnh tăng 940đ/lít, giá dầu điêzen tăng 960đ/lít), riêng giá vé tàu hỏa được điều chỉnh giảm 14,40% nhưng giá bình quân chung của nhóm vẫn tăng so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 03 năm 2019 tăng 3,47% so với tháng cùng kỳ năm 2018; tăng 1,14% so với tháng 12 năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 03 tháng năm 2019 tăng 3,52% so cùng kỳ năm 2018.

Nhìn chung chỉ số giá tiêu dùng tháng 03/2019 giảm nhẹ so với tháng trước, dự báo trong tháng 04/2019 chỉ số giá tiêu dùng có thể tăng nhẹ so với tháng trước do tháng 04 trùng với tháng 3 âm lịch (ngày giỗ tổ Hùng Vương) nên nhiều hoạt động tiêu dùng, mua sắm, vui chơi sẽ tăng trở lại.

#### **3.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ**

Chỉ số giá vàng tháng 03/2019 giảm 1,87% so với tháng trước do ảnh hưởng của giá vàng thế giới. Hiện giá vàng bình quân trong tháng là 3.601.000 đồng/chỉ, giảm 72.000 đồng/chỉ so với tháng trước. So với tháng 12/2018 tăng 3,06%; so với



cùng tháng năm trước giảm 1,03%. Giá vàng bình quân 03 tháng năm 2019 tăng 2,16% so cùng kỳ năm 2018.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 03/2019 tăng nhẹ 0,02% so với tháng trước do thời gian trước và sau Tết đa số người dân mua vàng và trang sức nên giá USD ổn định hơn. Hiện giá đồng USD bình quân trong tháng là 23.253 đồng/USD, tăng 2 đồng/USD. So với tháng 12/2018 giảm 0,44%; tăng 2,06% so với cùng tháng năm 2018. Giá USD bình quân 03 tháng năm 2019 tăng 2,16% so cùng kỳ năm 2018.

## **V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Lao động, việc làm**

Trong quý I năm 2019, tỉnh đã giải quyết việc làm cho 14.328 lao động, trong đó có 4.079 lao động bị mất việc làm tại công ty TNHH Giày da Mỹ Phong tìm được việc làm mới và đưa 105 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Ngoài ra, thông qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cho vay 140 dự án với số tiền hơn 2,8 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 140 lao động.

Bên cạnh đó, Trung tâm Dịch vụ việc làm, đã giải quyết 1.014 hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp, với tổng số tiền trên 12 tỷ đồng.

### **2. Đời sống dân cư**

Nhìn chung đời sống dân cư của tỉnh những tháng đầu năm 2019 tiếp tục được ổn định. Tình hình sản xuất kinh doanh được duy trì và đang từng phát triển theo chiều sâu; đời sống văn hóa, tinh thần của dân ngày càng được nâng lên; ý thức của người dân về bảo vệ, cải thiện môi trường tiếp tục được nâng cao. Đặc biệt với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã mang lại sự thay đổi tích cực cho bộ mặt nông thôn của tỉnh cả về kết cấu hạ tầng lẫn chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 16.414 hộ, chiếm tỷ lệ 5,95% (giảm 2,46% so với năm 2017) và 23.046 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 8,36%.

### **3. Công tác an sinh xã hội**

Công tác an sinh xã hội của tỉnh tiếp tục được quan tâm thực hiện. Nhân dịp Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi năm 2019, tỉnh đã vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và doanh nghiệp hỗ trợ cho 19.819 hộ nghèo vui xuân, đón tết, với số tiền hơn là 8,3 tỷ đồng và hỗ trợ cho 23.046 hộ cận nghèo với tổng số tiền hơn 6,9 tỷ đồng từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội.

Ngoài ra, tỉnh tổ chức các Đoàn thăm và tặng quà nhân dịp Tết cho cho 27.026 đối tượng chính sách, người có công với cách mạng với tổng kinh phí là 10,2 tỷ đồng, trong đó kinh phí Trung ương hỗ trợ gần 4,7 triệu đồng.

Bên cạnh đó, các cấp Hội trong tỉnh vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật quy thành tiền gần 3,3 tỷ đồng, bảo trợ cho 9.426 lượt đối tượng

### **3. Giáo dục, đào tạo**

Tính đến cuối học kỳ I năm học 2018 - 2019, toàn tỉnh có 1.050 cháu đi nhà trẻ, 36.526 cháu mẫu giáo, 87.537 học sinh tiểu học, 55.236 học sinh THCS, 22.928 học sinh THPT và 2.585 học sinh THPT hệ GDTX. Với 101 cô nuôi dạy trẻ, 1.780 giáo viên mẫu giáo, 4.985 giáo viên tiểu học, 3.494 giáo viên THCS, 1.689 giáo viên THPT và 192 giáo viên trung tâm GDTX.

Bên cạnh đó, các trường đang chuẩn bị và tổ chức các cuộc thi: thi giải toán, IOE trên mạng cấp tỉnh, vòng quốc gia theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thi học sinh giỏi lớp 9, lớp 11 cấp tỉnh năm 2019; đội tuyển cấp tỉnh chuẩn bị hồ sơ dự thi cấp quốc gia cuộc thi nghiên cứu khoa học cho học sinh trung học năm 2019. Đồng thời, tổ chức thi công nhận trình độ ngữ văn Khmer cấp THCS và hội thi Vở sạch chữ đẹp cấp tỉnh tiếng Khmer.

### **4. Tình hình dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm**

#### **4.1. Tình hình dịch bệnh**

Trong tháng 02/2019, trên địa bàn tỉnh phát hiện 09 ổ dịch sốt xuất huyết và 01 ổ dịch tay chân miệng. Tính đến nay đã phát hiện 27 ổ dịch sốt xuất huyết và 01 ổ dịch tay chân miệng, hiện đã xử lý tất cả ổ dịch, không có tử vong.

#### **4.2. Các bệnh truyền nhiễm gây dịch**

*Bệnh Tay chân miệng:* Trong tháng 02/2019 phát hiện 28 ca, không có tử vong. Cộng dồn từ đầu năm phát hiện 95 ca, không có tử vong; so với cùng kỳ năm trước số ca mắc bệnh tăng 63 ca, tử vong không tăng giảm.

*Bệnh Sốt xuất huyết:* Trong tháng 02/2019 phát hiện 106 ca, không có tử vong. Cộng dồn từ đầu năm phát hiện 255 ca, không có tử vong; so với cùng kỳ năm trước số ca mắc bệnh tăng 171 ca, tử vong không tăng giảm.

*Bệnh Sởi:* Trong tháng 02/2019 phát hiện 08 ca, không có tử vong. Cộng dồn từ đầu năm phát hiện 14 ca, không có tử vong; so với cùng kỳ năm trước số ca mắc bệnh tăng 14 ca.

Tình hình nhiễm HIV/AIDS: trong tháng 02/2019 phát hiện mới 11 người nhiễm HIV, 07 bệnh nhân chuyển sang AIDS, số bệnh nhân tử vong là 02 người. Tính từ đầu năm đến ngày 29/02/2019, toàn tỉnh phát hiện 43 người nhiễm HIV, 35 bệnh nhân chuyển sang AIDS, số bệnh nhân tử vong là 06 người.

Tính từ ca đầu tiên đến ngày 29/02/2019, toàn tỉnh phát hiện 2.184 người nhiễm HIV, số bệnh nhân chuyển sang AIDS là 1.539 người, số bệnh nhân tử vong là 900 người.

## **5. Hoạt động văn hóa, thể thao**

### **5.1. Hoạt động văn hóa**

Trong quý I năm 2019, các hoạt động văn hóa của tỉnh tập trung vào các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân và tuyên truyền một số nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong dịp Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi năm 2019, tỉnh đã tổ chức chương trình Lễ hội đón Giao thừa năm 2019 với chủ đề “Mừng Đảng - Mừng Xuân”, gồm có chương trình biểu diễn văn nghệ, Lãnh đạo tỉnh đọc thư chúc Tết, chương trình bắn pháo hoa đón Giao thừa, được truyền hình trực tiếp trên sóng Phát thanh-Truyền hình tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra, tỉnh còn tổ chức chương trình “Xuân yêu thương - Xuân sum họp” với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật như bố trí cảnh quan đường hoa xuân, chương trình văn nghệ đặc biệt chào năm mới, tổ chức các gian hàng ẩm thực xuân, các món ăn dân gian, truyền thống, các gian hàng lưu niệm...

### **5.2. Thể thao**

Phong trào thể dục, thể thao trong quần chúng diễn ra sôi nổi khắp các địa phương trong tỉnh, trong dịp Tết Nguyên Đán phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức nhiều giải thể thao thu hút được nhiều vận động viên tham gia và phục vụ hàng nghìn lượt người xem.

Ngoài ra, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao của tỉnh đã tổ chức giải Bóng chuyền nữ tỉnh Trà Vinh lần thứ I; giải vô địch Bi sắt tỉnh Trà Vinh mừng Đảng, mừng Xuân Kỷ Hợi 2019 và hỗ trợ Bộ đội biên phòng tổ chức giải thể thao mừng Đảng, mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019 gồm các môn: Bóng chuyền, Kéo co, Nhảy bao bố.

## **6. Tai nạn giao thông**

Trong tháng 3 năm 2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 09 người, bị thương 07 người. Tính chung quý I năm 2019 đã

xảy ra 19 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 14 người, bị thương 16 người; so cùng kỳ năm 2018 giảm 03 vụ, 03 người chết, nhưng tăng 01 người bị thương.

### **7. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường**

Trong tháng 3 năm 2019 trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy nào. Tính chung quý I năm 2019 đã xảy ra 02 vụ cháy thiệt hại tài sản khoảng 170 triệu đồng.

Ngoài ra, trong tháng các ngành chức năng đã phát hiện 11 trường hợp vi phạm về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, thú y..., giao ngành chức năng xử lý 09 trường hợp, còn lại tiếp tục làm rõ xử lý.

*Tóm lại*, kinh tế - xã hội tỉnh ta trong quý I năm 2019 tiếp tục diễn biến tích cực. Nền kinh tế tiếp tục có bước phát triển khá, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát. Sản xuất nông nghiệp, thủy sản thuận lợi đạt kết quả khả quan. Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục cải thiện, nhiều ngành sản xuất kinh doanh mới được đầu tư. Các lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện và đạt kết quả nhất định. Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế - xã hội của tỉnh trong quý I năm nay vẫn còn một số hạn chế, bất cập: tiến độ giải ngân vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước đạt thấp; biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến phức tạp có thể ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân; năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; vấn đề việc làm của hơn 10 nghìn công nhân bị sa thải của công ty Giày da Mỹ Phong. Như vậy, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, các ngành, các cấp và các địa phương trong tỉnh cần tập trung vào những công việc trọng tâm sau đây:

*Một là*, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực thi hiệu quả thủ tục một cửa tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp thành lập và phát triển; có chính sách và giải pháp phù hợp để khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển thành doanh nghiệp.

*Hai là*, tăng cường thực hiện có hiệu quả các biện pháp chống thất thu, nợ đọng thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách, triệt để tiết kiệm chi tiêu thường xuyên. Nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, xuất khẩu, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ khởi nghiệp; kiểm soát tín dụng ở một số ngành, lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

*Ba là*, khuyến khích, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị và thích ứng với

biến đổi khí hậu. Tăng cường phòng chống, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý việc sử dụng chất cấm trong sản xuất nông nghiệp.

*Bốn là*, phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình, dự án trọng điểm, có ý nghĩa nâng cao năng lực sản xuất cho nền kinh tế.

*Năm là*, tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu, bao gồm cả thị trường truyền thống và các thị trường có sức mua tiềm năng cao; khuyến khích xuất khẩu các nhóm hàng, mặt hàng có khả năng cạnh tranh, thị trường ổn định. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, có chính sách, biện pháp hiệu quả thu hút khách du lịch, phát triển đa dạng hoá các loại hình du lịch có thế mạnh của địa phương.

*Sáu là*, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm kịp thời cho người lao động. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

Trên đây, là những nét cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh quý I năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Tổng hợp, Vụ TKQG (TCTK);
- VP Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Sở Công thương;
- UBND huyện-thành phố;
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng VPC;
- Chi cục Thống kê huyện, thành phố, thị xã;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công thông tin điện tử Cục;
- Lưu.



**Trương Tiến Dũng**

## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 03 năm 2019

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>I. Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa Thu Đông năm 2018	80.899	79.272	97,99
Lúa Mùa năm 2018-2019	2.367	2.235	94,45
Lúa Đông Xuân năm 2019	66.418	68.585	103,26
<b>Các loại cây màu vụ Mùa (Ha)</b>			
Bắp (ngô)	1.826	1.745	95,56
Khoai lang	484	544	112,35
Khoai mì (sắn)	271	284	104,78
Mía	2.063	1.261	61,13
Đậu phộng (lạc)	3.077	3.396	110,35
Lác (cói)	963	803	83,34
Rau các loại	10.726	12.007	111,95
<b>Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa Đông Xuân 2019	82.937	60.241	72,63
Lúa Thu Đông năm 2018	387.444	411.534	106,22
Lúa Mùa 2018	10.705	9.952	92,97
<b>II. Thủy sản</b>			
<b>Sản lượng thủy sản ( Tấn)</b>	<b>30.916</b>	<b>36.950</b>	<b>119,52</b>
<b>Nuôi trồng</b>	<b>14.451</b>	<b>19.547</b>	<b>135,27</b>
Tôm các loại	5.196	6.049	116,41
Cá các loại	8.673	12.915	148,92
Thủy sản khác	582,10	583	100,23
<b>Khai thác thủy sản</b>	<b>16.466</b>	<b>17.403</b>	<b>105,69</b>
Tôm các loại	3.016	2.760	91,51
Cá các loại	7.362	8.048	109,32
Thủy sản khác	6.088	6.595	108,32

## 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 02 năm 2018 (%)	Tháng 03 năm 2019 so với tháng 02 năm 2019 (%)	Tháng 03 năm 2019 so với tháng 03 năm 2018 (%)	Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 (%)
<b>Toàn ngành</b>	<b>170,41</b>	<b>121,51</b>	<b>148,37</b>	<b>140,36</b>
Phân theo ngành kinh tế				
<b>Công nghiệp khai khoáng</b>	<b>112,07</b>	<b>111,74</b>	<b>107,26</b>	<b>108,70</b>
<b>Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>121,09</b>	<b>114,73</b>	<b>102,46</b>	<b>110,54</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	113,60	137,46	129,77	121,11
Sản xuất đồ uống	115,96	103,70	128,05	120,63
Dệt	107,54	110,93	102,68	106,97
Sản xuất trang phục	109,47	107,95	100,10	103,14
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	121,58	106,31	82,16	104,18
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	140,74	116,63	117,53	129,26
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	81,09	105,23	57,11	76,34
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	111,51	101,47	97,38	101,49
Sản xuất thiết bị điện	141,13	114,99	122,44	119,76
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí</b>	<b>201,57</b>	<b>124,16</b>	<b>174,79</b>	<b>157,88</b>
<b>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>107,47</b>	<b>105,69</b>	<b>127,50</b>	<b>111,81</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	109,42	105,26	139,06	113,95
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	102,55	106,82	104,55	106,75

### 3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 03 năm 2019

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 02 năm 2019	Ước tính tháng 03 năm 2019	Ước tính quý I năm 2019	Tháng 3 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước (%)	Ước quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 (%)
Tôm đông lạnh	Tấn	425	550	1.528	111,96	92,33
Gạo xay sát, đã hoặc chưa đánh bóng	"	24.522	26.848	74.659	132,42	144,45
Đường RS	"	1.561	8.333	14.823	148,96	142,62
Nước tinh khiết	1000 lít	4.149	4.218	12.566	101,81	101,36
Xơ dừa	Tấn	1.071	1.208	3.399	106,54	113,81
Túi xách	1000 cái	192	195	786	129,14	125,96
Giày, dép bằng da	1000 đôi	2.592	2.074	7.990	59,86	94,17
Các bộ phận của giày, dép bằng da	1000 đôi	402	321	1.656	22,09	62,05
Carbon hoạt tính	Tấn	632	670	1.998	111,48	142,71
Thuốc chứa penicillin hoặc kháng sinh dạng viên	Triệu viên	3	4	16	19,37	33,46
Dược phẩm chứa hoocmôn nhưng không chứa kháng sinh dạng viên	"	52	55	188	76,98	97,82
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M <sup>3</sup>	3.455	4.175	11.428	105,88	90,84
Bộ nguồn cấp điện liên tục (UPS)	1000 Chiếc	468	539	1.612	122,48	119,74
Điện sản xuất	Triệu Kwh	1.130	1.334	3.296	176,69	159,64
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	76	79	232	131,24	114,26
Nước không uống được	1000 m <sup>3</sup>	1.967	2.070	6.003	103,34	107,35



#### 4. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

	Thực hiện quý VI năm 2018	Ước tính quý I năm 2019	Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 (%)
<b>Tổng số</b>	<b>8.222.794</b>	<b>4.736.343</b>	<b>125,55</b>
- Vốn ngân sách Nhà nước	1.110.244	300.473	99,89
- Trái phiếu Chính phủ	382.650	8.500	119,28
- Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch NN	-	-	-
- Vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực Nhà nước)	1.340.369	437.560	22,20
- Vốn tự có của doanh nghiệp Nhà nước	386	14.616	409,07
- Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân	2.340.559	1.931.445	139,28
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	3.048.286	2.043.749	1.971,95
- Vốn huy động khác	300	-	-

**4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 03 năm 2019**

	Thực hiện tháng 02 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 03 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính quý I năm 2019 (Triệu đồng)	Quý I so với kế hoạch năm 2019 (%)	Quý I so với cùng kỳ năm 2018 (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>76.480</b>	<b>103.363</b>	<b>275.638</b>	<b>10,31</b>	<b>106,98</b>
<b>Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>61.574</b>	<b>73.739</b>	<b>218.481</b>	<b>10,88</b>	<b>110,64</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	12.630	16.880	47.406	10,02	117,39
<i>Trong đó : Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>1.002</i>	<i>1.379</i>	<i>3.311</i>	<i>4,22</i>	<i>21,22</i>
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	16.404	30.864	65.749	16,22	92,72
Vốn nước ngoài ( ODA )	1.616	3.600	14.216	5,26	46,21
Vốn xổ số kiến thiết	11.681	17.429	65.208	8,26	117,66
Vốn khác	19.243	4.966	25.902	36,69	-
<b>Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện</b>	<b>14.906</b>	<b>29.624</b>	<b>57.157</b>	<b>8,58</b>	<b>94,97</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	8.368	15.017	29.419	11,56	82,56
<i>Trong đó : Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>494</i>	<i>3.206</i>	<i>3.700</i>	<i>7,79</i>	<i>488,77</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	6.538	14.607	27.738	6,75	112,98
Vốn khác	-	-	-	-	-
<b>Vốn ngân sách nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó : Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

## 6. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Thực hiện 02 tháng năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 3 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính quý I năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 3 năm 2019	Quý I năm 2019
<b>Tổng số</b>	<b>5.720.983</b>	<b>2.946.083</b>	<b>8.657.066</b>	<b>115,03</b>	<b>118,10</b>
<b>Phân theo ngành hoạt động</b>					
Bán lẻ hàng hóa	4.090.272	2.072.900	6.163.172	114,98	118,22
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	855.564	435.050	1.280.614	119,47	118,80
Du lịch lữ hành	4.107	2.044	6.151	130,03	135,42
Dịch vụ khác	771.041	436.089	1.207.129	111,08	116,65

## 7. Doanh thu bán lẻ hàng hoá tháng 03 năm 2019

	Thực hiện tháng 02 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 3 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính quý I năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 3 năm 2019	Quý I năm 2019
<b>Tổng số</b>	<b>2.026.422</b>	<b>2.072.900</b>	<b>6.163.172</b>	<b>114,98</b>	<b>118,22</b>
<b>Phân theo nhóm hàng</b>					
Lương thực, thực phẩm	988.624	1.110.011	3.094.841	116,90	120,90
Hàng may mặc	111.990	101.990	319.076	108,51	112,92
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	244.743	190.958	687.151	118,20	117,97
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	27.940	27.940	87.771	113,81	113,67
Gỗ và vật liệu xây dựng	30.882	30.882	97.789	107,06	106,86
Ô tô các loại	1.300	1.250	4.420	107,07	121,82
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	102.140	94.150	305.253	115,85	108,96
Xăng, dầu các loại	262.500	271.450	802.284	104,86	122,61
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	15.254	16.526	47.569	114,65	104,60
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	73.720	74.208	220.567	116,56	107,61
Hàng hóa khác	145.440	130.443	429.762	123,53	116,54
Sửa chữa xe động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	21.889	23.092	66.688	118,70	107,18

**8. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác tháng 03 năm 2019**

	Thực hiện tháng 02 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 3 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính quý I năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 3 năm 2019	Quý I năm 2019
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	452.168	435.050	1.280.614	119,47	118,80
<i>Dịch vụ lưu trú</i>	<i>9.708</i>	<i>9.000</i>	<i>29.814</i>	<i>109,63</i>	<i>121,12</i>
<i>Dịch vụ ăn uống</i>	<i>442.460</i>	<i>426.050</i>	<i>1.250.800</i>	<i>119,70</i>	<i>118,74</i>
Du lịch lữ hành	2.255	2.044	6.151	130,03	135,42
Dịch vụ tiêu dùng khác	406.935	436.089	1.207.129	111,08	116,65

## 9. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 03 năm 2019

	Tháng 03 năm 2019 so với				Đơn vị tính: %
	Kỳ gốc 2014	Tháng 3 năm 2018	Tháng 12 năm 2018	Tháng 2 năm 2019	Bình quân quý I
					năm 2019 so với cùng kỳ năm trước
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>116,55</b>	<b>103,47</b>	<b>101,14</b>	<b>99,63</b>	<b>103,52</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,40	108,28	102,34	98,76	108,94
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	104,58	100,39	97,10	97,58	103,16
Thực phẩm	111,92	111,85	103,47	99,08	111,85
Ăn uống ngoài gia đình	128,69	103,38	103,38	98,50	104,16
Đồ uống và thuốc lá	108,95	100,38	100,37	100,00	100,26
May mặc, giày dép và mũ nón	127,78	102,88	102,88	100,00	101,91
Nhà ở và vật liệu xây dựng	110,18	100,43	100,77	98,97	100,66
Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,84	100,15	100,15	100,00	100,10
Thuốc và dịch vụ y tế	259,26	99,29	100,00	100,00	99,29
Giao thông	91,09	98,32	99,45	102,47	96,48
Bưu chính viễn thông	104,17	100,05	100,00	100,00	100,04
Giáo dục	148,25	109,20	100,00	100,00	109,20
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,17	100,00	100,00	100,00	100,00
Hàng hóa và dịch vụ khác	109,88	99,93	99,98	99,88	99,99
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>109,90</b>	<b>98,97</b>	<b>103,06</b>	<b>98,13</b>	<b>99,80</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>109,50</b>	<b>102,06</b>	<b>99,56</b>	<b>100,01</b>	<b>102,16</b>

## 10. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 03 năm 2019

	Thực hiện tháng 02 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 3 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính quý I năm 2019 (Triệu đồng)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
				Tháng 3 năm 2019	Quý I năm 2019
<b>Tổng số</b>	<b>150.060</b>	<b>141.053</b>	<b>432.550</b>	<b>135,52</b>	<b>119,88</b>
Vận tải hành khách	68.117	62.883	191.441	133,70	120,89
Đường bộ	64.350	59.579	181.134	131,45	121,13
Đường thủy	3.767	3.304	10.307	193,08	116,75
Vận tải hàng hóa	81.943	78.049	240.700	139,26	119,97
Đường bộ	45.934	44.336	135.784	117,11	122,20
Đường thủy	36.009	33.712	104.916	185,37	117,20
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	-	122	409	12,16	22,39

## 11. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 03 năm 2019

	Thực hiện tháng 02 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính tháng 3 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước tính quý I năm 2019 (Triệu đồng)	Tháng 3 năm 2019 so với tháng 02 năm 2019 (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 3 năm 2019	Quý I năm 2019
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>						
<b>I. Vận chuyển (Nghìn hành khách)</b>	<b>2.370,6</b>	<b>2.325,7</b>	<b>6.910,0</b>	<b>98,1</b>	<b>139,17</b>	<b>116,45</b>
Đường bộ	1.828,4	1.831,3	5.413,3	100,2	147,32	116,80
Đường thủy	542,3	494,4	1.496,7	91,2	115,51	115,21
<b>II. Luân chuyển (Triệu HK.Km)</b>	<b>106,2</b>	<b>101,6</b>	<b>313,0</b>	<b>95,7</b>	<b>122,76</b>	<b>114,43</b>
Đường bộ	100,5	96,4	296,9	95,9	123,10	114,42
Đường thủy	5,7	5,2	16,1	92,1	116,77	114,65
<b>B. HÀNG HOÁ</b>						
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>1.161,4</b>	<b>1.118,7</b>	<b>3.456,2</b>	<b>96,3</b>	<b>141,00</b>	<b>116,75</b>
Đường bộ	739,3	716,8	2.183,6	97,0	138,84	118,78
Đường thủy	422,1	401,9	1.272,6	95,2	145,03	113,42
<b>II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)</b>	<b>91,0</b>	<b>87,9</b>	<b>273,5</b>	<b>96,6</b>	<b>179,79</b>	<b>119,22</b>
Đường bộ	36,5	34,5	108,0	94,6	129,75	125,59
Đường thủy	54,4	53,3	165,5	98,0	239,67	115,40



## 12. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	Thực hiện tháng 02 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước thực hiện tháng 03 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước thực hiện quý I năm 2019 (Triệu đồng)	Quý I năm 2019	
				So với cùng kỳ năm 2018 (%)	So với dự toán năm 2019 (%)
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>601.329</b>	<b>318.523</b>	<b>1.114.213</b>	<b>136,98</b>	<b>29,54</b>
1. Thu từ kinh tế quốc doanh	81.627	54.841	138.525	225,32	13,94
2. Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	87.415	2.559	90.431	233,64	38,98
3. Thu từ khu vực CTN - ngoài quốc doanh	37.013	16.963	61.446	105,75	17,56
4. Thuế thu nhập cá nhân	38.903	33.046	77.162	143,25	23,03
5. Thuế bảo vệ môi trường	17.439	23.913	58.949	147,07	16,11
6. Các loại phí, lệ phí	23.152	13.055	45.497	112,78	22,75
<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>	13.057	8.162	27.781	123,18	24,16
7. Các khoản thu về nhà đất	57.347	14.442	91.258	520,05	52,57
8. Thu xổ số kiến thiết	251.090	150.404	531.494	108,65	55,36
9. Thu khác	7.343	9.300	19.452	137,67	12,05
<b>II. Tạm thu ngân sách</b>	-	-	-	-	-
<b>III. Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>(13.160)</b>	<b>(14.478)</b>	<b>(42.417)</b>	-	-
<b>IV. Thu chuyên nguồn</b>	-	<b>62.635</b>	<b>62.635</b>	-	-
<b>V. Thu viện trợ</b>	<b>842</b>		<b>842</b>	-	-
<b>VI. Thu huy động, đóng góp</b>	-	-	-	-	-
<b>VII. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>543.680</b>	<b>1.480.131</b>	<b>2.023.811</b>	-	-
<b>VIII. Thu từ ngân sách cấp dưới</b>	-	<b>3.801</b>	<b>3.801</b>	-	-
<b>IX. Thu từ nguồn kết dư</b>	-	-	-	-	-
<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.132.691</b>	<b>1.850.612</b>	<b>3.162.885</b>	<b>115,85</b>	<b>33,36</b>

### 13. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	Thực hiện tháng 02 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước thực hiện tháng 03 năm 2019 (Triệu đồng)	Ước thực hiện quý I năm 2019 (Triệu đồng)	Quý I năm 2019	
				So với cùng kỳ năm 2018 (%)	So với dự toán năm 2019 (%)
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>68.318</b>	<b>132.275</b>	<b>226.233</b>	<b>126,09</b>	<b>7,70</b>
<b>II. Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay</b>	-	-	-	-	-
<b>III. Chi thường xuyên</b>	<b>528.393</b>	<b>356.619</b>	<b>969.038</b>	<b>109,95</b>	<b>18,11</b>
1. Chi quốc phòng	11.382	12.454	26.782	103,91	46,99
2. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	6.666	4.517	12.063	128,65	36,59
3. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	278.957	180.647	478.580	106,30	20,30
4. Chi khoa học và công nghệ	330	13.266	13.621	1.394,69	43,46
5. Chi y tế, dân số và gia đình	24.868	10.249	35.117	105,77	5,94
6. Chi văn hóa thông tin	4.551	3.035	8.248	114,72	20,07
7. Chi phát thanh, truyền hình	2.012	1.662	3.674	95,04	20,27
8. Chi thể dục thể thao	1.060	409	1.763	101,54	20,40
9. Chi bảo vệ môi trường	6.493	15.585	22.079	407,47	34,54
10. Chi các hoạt động kinh tế	18.530	18.093	38.773	119,91	6,48
11. Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	136.230	77.862	255.159	104,05	22,00
12. Chi bảo đảm xã hội	34.533	15.428	55.125	101,87	25,49
13. Chi thường xuyên khác	2.780	3.411	18.056	151,73	24,52
14. Chi hỗ trợ các chế độ chính sách khác	-	-	-	-	-
15. Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2014	-	-	-	-	-
<b>IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	-	-	-	-	-
<b>V. Dự phòng ngân sách</b>	-	-	-	-	-
<b>VI. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	-	-	-	-	-
<b>VII. Chi viện trợ</b>	-	-	<b>1.188</b>	-	-
<b>VIII. Chi cho vay</b>	-	-	<b>1.000</b>	-	-
<b>B. CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	-	-	-	-	-
1. Chương trình MTQG	-	-	-	-	-
2. Cho chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	-	-
<b>C. CHI CÁC NHIỆM VỤ KHÁC</b>	-	-	-	-	-
<b>D. CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	-	<b>3.801</b>	<b>3.801</b>	-	-
<b>E. CÁC KHUON CHI KHÁC (TẠM CHI, CHƯA CÓ CHỈ TIÊU CỤ THỂ)</b>	<b>12.444</b>	<b>14.953</b>	<b>27.643</b>	-	-
<b>F. CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>609.156</b>	<b>507.648</b>	<b>1.228.903</b>	<b>114,42</b>	<b>13,49</b>

**14. Trật tự, an toàn xã hội**  
(Tính đến ngày 15 hàng tháng)

	Thực hiện tháng 02 năm 2019	Thực hiện tháng 3 năm 2019	Thực hiện quý I năm 2019	Tháng 3 năm 2019 so với tháng 3 năm 2018	Quý I năm 2019 so với quý I năm 2018
<b>Tai nạn giao thông</b>					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	9	4	19	50,00	86,36
Đường bộ	9	4	19	50,00	86,36
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	9	2	14	28,57	82,35
Đường bộ	9	2	14	28,57	82,35
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	7	4	16	80,00	106,67
Đường bộ	7	4	16	80,00	106,67
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	-	2	-	50,00
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	100	-	170	-	16,04